

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

## QUYỂN 9

### Phẩm 4: TRƯỜNG THỌ (Phần 2)

Giải thích ý nghĩa của nhân sống lâu.

Nêu ra việc lực sĩ Mật Tích giết Đồng tử .

Nêu ra danh hiệu của các Yết-ma.

Nêu ra việc tám con sông đổ ra biển.Hợp thí dụ con trâu cày.

Giải thích nghĩa pháp tánh.

Giải thích việc trời Vô tướng thọ vui.

Giải thích nghĩa Nhất thể Tam bảo.

“Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: Lành thay! Lành thay!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thuyết trên dù rõ ràng, nhưng vì chỉ thú của nghĩa chưa chu toàn, cho nên phải nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây, trước là đáp về nhân sống lâu, được chia thành bảy đoạn:

1. Cho phép nói.
2. Răn chúng.
3. Nói chung.
4. Khuyến khích giáo hóa ngoại đạo.
5. Phật tự dẫn chứng.
6. Thể, tướng của chánh nghiệp.
7. Giải thích nghi ngờ.

Pháp sư Trí Tú nói: “Một phẩm này đáp hai câu hỏi về nhân quả, chia làm hai phần. Trong lời hỏi của nhân đáp trước, có ba đoạn:

1. Khen ngợi sự thưa hỏi của Bồ-tát Ca-diếp.
2. Nói về tướng của nhân sống lâu.
3. Nói về nghĩa.

Minh Tuấn nói: “Dưới đây là đáp câu hỏi về nhân, đại khái được chia làm hai:



1. Chính là đáp.

2. Bồ-tát Ca-diếp thưa hỏi.

Căn cứ trong phần chính đáp có năm lượt:

1- “Từ đây đến lợi ích chúng sinh”, trước khen lời thưa hỏi của Bồ-tát Ca-diếp, gồm có ba ý: Đầu tiên, do xa, bình đẳng Chư Phật. Kế là, do gần với bình đẳng với Đại sĩ. Sau khen ích lợi rộng lớn của nhân sống lâu kia để kết khen.

2- Từ “Con không có trí, lực” cho đến “Vì trí tuệ sâu xa”, Bồ-tát Ca-diếp kính cẩn đáp, khen chỉ thú, cũng có ba ý:

1. Dẫn muỗi mòng làm thí dụ.

Không dám nâng lên bình đẳng Chư Phật.

2. Dẫn quan giữ kho báu làm thí dụ, nghĩa là đã hiến dâng, cung kính trên hết. Hoặc có chút đồng với Bồ-tát. Về sau, Bồ-tát tự khiêm nhượng nói rằng: “Điều con hỏi rất hẹp hòi kém cỏi, đâu thể lợi ích rộng rãi, chỉ lợi mình mà thôi.

3. Từ “Lắng nghe v.v...trở xuống, cho đến chuyển thành người nói, là răn bảo đốc lòng, khuyến cho vận chuyển giáo.

4. Từ “Con do tu tập”, trở xuống, chỉ nêu hiện tại làm chứng.

5. Chính là đáp câu hỏi, có năm thứ bậc. Nói về Thập địa, dùng đại bi làm đầu, năm giới lấy không giết hại làm trước, là dùng đầu mỗi thưa hỏi, phát ngôn ở giới, nên biết giới tâm của Bồ-tát không có tự đại bi.

Nay, đã nói về nhân sống lâu, cho nên:

1. Trước nêu cho đến lòng từ để nói về hạnh lợi mình.

2. Khuyên thực hành không giết hại chúng sinh. Truyền trao thì dùng mười điều lành, năm giới, để nói về sự giáo hóa người ngoài.

3. Xông pha vào ba đường để cứu vượt nỗi khổ đau hiện tại, là nói rộng về công dụng của tâm Bi.

4. Phát bốn thệ nguyện rộng lớn, dụng của lòng từ sâu rộng, bao la nhằm an ủi chúng sinh ở vị lai.

5. Kết: Trên trời, nghĩa là từ gần mà nói xa.”

“Này, người thiện nam! Nay, ông chưa được” cho đến “Đồng như các nghĩa sâu sắc mà bậc nhất thiết Trí đã hỏi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây là phần đáp câu hỏi thứ ba.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi này cương yếu chung của một bộ Kinh, gồm thâm then chốt muôn hạnh. Vì kính mến Thánh chỉ sâu rộng, nên hợp xứng điều lành để khen ngợi. Ông hỏi, Như lai đáp, chiếu

lý là đồng. Với chỉ thú mà Chư Phật đã giảng, vì sao lại khác với điều ông đã hỏi ở đây? Cho nên nói “Đồng với Chư Phật”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sự thật Bồ-tát Ca-diếp vẫn chưa tường tận ở chỗ do dấu vết mà lấy, đâu nói về soi thấy bình đẳng với Đức Phật? Vì lý mà Chư Phật đã hỏi thật là u huyền độc tôn, cao đẹp tuyệt vời! Vì tín chúng có nhận thức rất nông cạn, nên phải nói lên lời khen ngợi này.”

“Này, người thiện nam! Lúc Ta mới thành đạo Chánh giác dưới cội Bồ-đề” cho đến “Là đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Chẳng những được đồng với Chư Phật mà còn đồng với Như lai trước kia. Xưa kia, ở bảy xứ, tám hội, Như lai đã giảng nói Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Phương Quảng. Bảy giờ, các Đức Như lai mười phương đều nhóm họp để luận về nghĩa, cũng đã có nêu lên câu hỏi này.”

“Bảy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật” cho đến “Nghĩa rất sâu sắc của pháp tánh hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trên đây Đức Phật quá khen, nên Bồ-tát Ca-diếp tỏ ra khiêm tốn, rằng mình chưa đạt được cử chỉ đó khiến cho ánh sáng đức độ của ngài càng thêm rực rỡ.

Biển trí tuệ: Một là sâu rộng; hai là cất chứa vật báu. Pháp tánh hư không có hai thứ: “Một là muôn pháp xưa nay không có tánh; hai là Niết-bàn cũng xứng với pháp tánh. Đây là việc mà năng lực suy nghĩ không thể hiểu được.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như vị vua đem viên ngọc sáng trong búi tóc” cho đến “Giúp con có được trí tuệ sâu rộng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nghĩa là được chỉ thú của Đức Phật đáp, kính cẩn, vâng giữ, cung kính, như quan cất giữ kho báu kia.”

“Bảy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Đã tự lãnh thọ rồi, sẽ nói lại cho người khác nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp Đại thừa không vì một người mà gìn giữ, phải ứng với vô biên mà lưu thông.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sắp đáp việc thưa hỏi, Đức Phật vừa khuyên răn, vừa dạy bảo. Tông chỉ rất sâu kín, tâm xem thường thì chẳng lãnh thọ được. Dù rằng lời Phật nói chỉ với Bồ-tát Ca-diếp, nhưng ý là đối với đại chúng.”

“Này, người thiện nam! Do tu tập hạnh nghiệp như thế, mà Như lai được thành Vô thượng Chánh giác” cho đến “Nay lại giảng rộng nghĩa ấy cho ông nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “lời đã nói không giả dối, là dẫn Như lai làm chứng.”

“Này người thiện nam! Ví như Vương tử phạm tội, bị giam vào ngục” cho đến “Đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở đây trước nói thí dụ, sau nói pháp. Bồ-tát có hạnh nghiệp bên ngoài và hạnh nghiệp bên trong. Lòng từ là nhân tố của hạnh nghiệp bên ngoài, tám con sông chảy về biển là quả của hạnh nghiệp bên ngoài. Chúng sinh là nhân hạnh bên trong, Niết-bàn, Phật tánh là quả hạnh bên trong. Kế là, nói Nhất Thể Tam bảo, làm rõ lại hai quả là thường.

Nhà Vua tự quay xe giá trở về, vì ngục tù là nơi bất tịnh, không phải chỗ Vua đến, vì lòng từ nên đến. Năm đường là nơi khổ sở, chẳng phải chỗ ở của Bồ-tát. Cũng chính vì đức từ, nên ở chỗ khó đến mà Bồ-tát vẫn đến được .”

“Truyền cho giới bất sát, dạy cho tu pháp lành” cho đến “Sau khi qua đời, được sinh lên cõi trời.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Từ vốn cứu khổ, giới là gốc cứu khổ. Cứu giúp là công hạnh của lòng Từ. Sinh lên cõi trời, là hiện báo của nhân địa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Mười điều lành Bốn bình đẳng là hạnh quan trọng. Bốn thế nguyện rộng lớn là nguyện quan trọng. Chỉ nói lược bất sát trong mười điều lành là nhân tố sống lâu, vì lấy nghĩa tương tự với nguyện kia. Chín điều lành còn lại, lược qua không nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Có Kinh Riêng nói về bốn thế nguyện rộng lớn, phối hợp với bốn Đế. Nghĩa là đối với người chưa vượt qua khổ, nói khổ để vượt qua, người chưa tránh khỏi ràng buộc, thì nói tập đế để họ được giải thoát, người chưa Niết-bàn thì nói diệt Đế, cho họ được hội ngộ. Yên ổn sau cùng là nói đạo Đế, sao cho họ được yên ổn. Vì tâm Bồ-tát rộng lớn bao la, nên gọi là “Hoàng”, vì chắc chắn có khả năng thực hành, nên gọi là “Thệ”.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Thật sự xem đồng là con, như La-hầu-la.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Việc ở đây nêu là khó là không bình đẳng. Thường tình chúng sinh nhận thấy xưa kia thường trị tội, dường như tổn thương lòng từ, vì thế, nên phải nói.”

Minh Tuấn nói: “Dưới đây, thứ hai, là Bồ-tát Ca-diếp thưa hỏi. Nay, thứ nhất này trước là thưa hỏi vì không có lòng từ nên trái phạm giới sát, để cho nghĩa của nhân không lập. Sau, thứ hai, là nêu hiện thấy

Niết-bàn không có quả sống lâu. Nếu có nhân lâu dài thì quả sẽ không ngắn. Vì quả tất nhiên không dài, nên biết không có nhân trái lại với hai quan hệ để trở thành nghĩa nhân quả kia.

Căn cứ vào mối quan hệ trước, có ba trái ngược:

1. Quyết định lòng từ coi như con.
2. Chỉ nêu lên việc, do thần Kim cương, làm thành lời thưa hỏi.
3. Chỉ nêu lý, dùng cắt, xóa để so sánh.

Đây là thứ nhất, quyết định lòng từ. Ba hạng người ác cũng coi như con phải không? Có hai thứ bậc: Trước là Bồ-tát Ca-diếp quyết định, sau là Phật đáp.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Xem đồng như La-hầu-la”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Từ, thật ra không bình đẳng, dùng hai việc để làm chứng:

1. Vì chúng sinh không thể bình đẳng, nghĩa là phá giới.
2. Vì sự nghiệp từ của Bồ-tát không bình đẳng, bằng có là lực sĩ đã giết Đồng tử.

Người kế thừa ý chỉ của Phật, Phật còn bình đẳng, huống chi là Bồ-tát?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Kim cương tức là Bồ-tát. Đã vâng theo ý chỉ của thần, tức là hai Thánh giết chung, việc này không nói bình đẳng.”

“Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: Nay ông không nên” cho đến “Điều thương xót như con là La-hầu-la.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người tại gia hủy báng chánh pháp, còn thêm khổ để trừng trị, huống chi người xuất gia ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bậc Thánh cho được lợi ích có lúc, không cần phải chờ đợi biến hóa, chỉ vì sự thật nên Bồ-tát Ca-diếp chỉ nêu biến hóa thôi.”

Minh Tuấn nói: “Dưới đây Đức Phật đáp có năm thứ bậc:

1. Quét sạch dấu vết để làm rõ Đồng tử, là biến hóa.
2. Nói về pháp vua và pháp Phật, sự tà vạy khác để chứng minh không giết hại.

3. Lấy nhỏ để so sánh với lớn. Nếu phát ra một tia sáng, còn cho sự không sợ hãi, huống chi là sẽ có giết hại?

4. Nêu ba thí dụ, để nói về pháp hạnh sau cuối. Bốn chúng có khả năng trừng trị người tội phá hoại chánh pháp, được vô lượng phước.

5. Nhưng kết thúc hai ý chỉ: Nếu người không trừng trị sẽ mắc vô

lượng tội, người đứng pháp trường trị, là đệ tử của Như lai.”

“Này người thiện nam! Ví như vị vua” cho đến “Những người làm việc xấu ác sẽ có quả báo”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phật dùng ba việc để chứng minh bình đẳng:

1. Dùng Yết-ma trị tội, không cắt đứt mạng sống của người tội.
2. Dùng ánh sáng soi chiếu, ánh sáng là quả của đức từ, giúp họ không sợ hãi.
3. Trường trị chúng sẽ được phước, không tổn hại lòng từ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu người có đức tin, thì không được cắt đứt mạng sống. Sinh đạo có muôn mối, đâu cần cầu thả ở pháp này. Tỳ-kheo tự có thể y theo pháp mà lập đức, đâu sợ chê trách mà làm hư hoại”

“Này người thiện nam! Nay ông nên biết Như lai tức là” cho đến “Đây đủ vô lượng thế lực như thế”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Được vô lượng phước, nghĩa là trước kia dùng việc để so sánh.” Sắp diệt: là Không ăn năn tức là diệt, có ăn năn thì dừng. Nhà vua kia vì dùng hai việc sau đây nên được phước:

1. Thương xót người dân.
2. Lệnh cho người ác phải làm điều lành.

Pháp trị Tỳ-kheo:

1. Để giữ gìn chánh pháp.
2. Lệnh cho làm việc lành.

“Dưới đây, kéo cắt dây, nhổ tóc, riêng cho hộ pháp để làm thí dụ.”

“Này người thiện nam! Pháp chưa được thấy, nếu ông muốn thấy” cho đến “Hãy nên xua đuổi, quả trách trường trị.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là việc thứ ba, dẫn chứng, để nói về hộ trì chánh pháp ở vị lai, sẽ được vô lượng phước, để nói sẽ có lợi ích sâu rộng.”

“Nếu Tỳ-kheo hiền thiện, thấy có người hoại chánh pháp” cho đến “Là Thanh văn chân thật, đệ tử của ta.”

Minh Tuấn nói: “Đây là thêm bậc thứ năm, kết thúc được, mất.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Nếu trường trị kẻ phạm luật thì lời dạy kia sẽ có lỗi.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước kia dùng đồng tử làm biến hóa, để nói lên lỗi không bình đẳng, nhưng cũng trường trị người tội, đối

với lòng từ mà thành, cho nên, dẫn chứng hai việc cắt, xóa để đặt câu hỏi.”

“Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Này, người thiện nam! Ví như vị vua” cho đến “Dạy bảo như thế, sẽ được vô lượng phước.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Sắp đáp vấn nạn, trước nêu thí dụ: Vị vua dụ cho Phật. Đại thần dụ cho pháp chung. Bồ-tát, các con dụ cho bốn chúng. Sự xinh đẹp dụ cho hiểu lý không nghiêng lệch.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói Đức Như lai, giao phó bốn bộ đệ tử cho người hoàng pháp, giáo hóa thành tựu. Dù khiến cho ba bộ đệ tử không vâng theo sự dạy bảo, tất nhiên, không phải đều thành đạo, mà có một chúng khác không thể ít muốn, nhưng lại không trừng trị. Sở dĩ không phạm tội, vì có hai lý do: Một là không có tâm xấu ác; hai là nói vì vận dụng lòng từ.”

“Này người thiện nam! Như lai cũng vậy” cho đến “Cũng khéo biết được những việc đời trước.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hợp thí dụ, so sánh phạm Thánh. Đáp khó nói về sự bình đẳng của đấng con một chẳng phải sai lầm.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Như lai không nên nói như thế.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Muốn nói quả, dùng quả để hỏi người, quả hiện tại không dài lâu thì nhân dĩ vãng đâu thể bình đẳng?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dù rằng lấy quả để tìm nhân mà việc thưa hỏi ở quả, tức đáp câu hỏi về quả sống lâu.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Vẫn là nhân của vấn nạn. Nhân, phải là thật, về lý, gọi là quả thường, thì không nên Niết-bàn. Nay, dùng quả để hỏi nhân, tất nhiên nhân cũng không phải thật. Do đó suy ra, sự hiểu biết cũng là nhân của thưa hỏi, chẳng phải là quả của đáp. Có hai điểm trái nhau: Một là hỏi; hai là đáp. Theo việc thưa hỏi có ba giai đoạn:

1. Trực tiếp, nghĩa là không thích ứng với chỉ thú sống lâu.
2. Chỉ nêu thí dụ.
3. Hợp thí dụ, kết thúc thưa hỏi.

“Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Nay, vì sao ông nói” cho đến “Như lai đã chứng được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Lượt thứ hai này, Đức Phật đã quở trực tiếp thay cho lời đáp mà thôi. Từ trước đến nay đã nói, không nên lại có lời thô như vậy.”

“Bồ-tát lại bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Đức Như lai được tuổi thọ vô lượng thế nào?”



Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu nói về sự nghiệp của Đức Như lai thì chỉ tám mươi năm, mà nói rằng, Như lai đã chứng được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ thì chẳng lẽ không có ý chỉ? Vì thế, nên hỏi: “Thế nào là thường?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là Đức Phật đáp câu hỏi về quả sống lâu thứ hai. Đáp câu hỏi khác nhau: Hoặc cần chú trọng tương xứng với câu hỏi để tìm lời đáp. Hoặc hỏi trực tiếp, hoặc nhân đáp khác trước kia, vẫn là đáp, nghĩa là trong lượt đáp này có ba phần:

1. Chính là đáp ý nghĩa sống lâu.
2. Đặt ra câu hỏi.
3. Cải chính ba quy y.

Từ đây cho đến tuổi thọ thứ nhất, chính là đáp câu hỏi. Có hai ý: Đầu tiên là Bồ-tát Ca-diếp hỏi, sau là Phật đáp.”

“Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Này người thiện nam! Như tám con sông lớn” cho đến “Và các con sông nhỏ đều chảy ra biển cả.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Sở dĩ chảy vào biển, là vì rất thấp, do các dòng chảy của các con sông nhỏ kia là nước của biển. Nước cũng gọi là biển.”

“Cũng vậy, tất cả con sông tuổi thọ của người, của trời” cho đến “Đều chảy vào biển tuổi thọ của Như lai.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tuổi thọ của Đức Như lai ra sao? Lấy trăm họ làm tuổi thọ, nói là biển tuổi thọ.”

“Vì vậy, nên Như lai có tuổi thọ vô lượng.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Lý do tuổi thọ lâu dài là nhờ không giết hại. Nhưng mạng của trời, người cũng phần nhiều do không sát sinh, đây là nhân vào phần ít tuổi thọ của Đức Phật, nên nói: “Tất cả mạng đều vào trong biển mạng của Phật”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Biển thâm nhận các dòng chảy không có thêm, đều là do muôn điều thiện của, đất đúc lại nơi quả cùng cực, do nhân đây là thường”. Lại, Kinh Thắng Man nói: “Như lai tạng, tức là Phật tánh, ở nhân là Tạng, ở quả là Phật, chẳng phải đầu, chẳng phải cuối ẩn, hiển mà khác. Nếu chúng sinh không có tánh, thì giữa chừng cũng có thể bị cắt đứt, vì nghĩa của Phật tánh kia không mất, nên chắc chắn sẽ thành Phật. Đến Phật tức là thường, như các dòng sông chảy ra biển, lại khó chảy đi, cho nên “Hoặc” hết, hạnh khắp, chứng được Phật tự thường”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Biển là đồ đựng để thâm nạp dòng chảy. Tuổi thọ của Như lai là cùng cực của các tuổi thọ. Nghiên cứu phân

tách ý chỉ của tuổi thọ kia, gồm có ba nghĩa: Hai nghĩa kia sâu kín, một nghĩa từ văn :

1. Nói mạng sống lâu của chúng sinh, đều là tuổi thọ của Như lai, ở trong biển, không ai hơn Đức Phật.

2. Tuổi thọ của chúng sinh dù là vô lượng, nhưng trôi lăn mãi không nhất định, đến Phật mới dừng lại.

3. Nói về ngày mà Bồ-tát còn ở hạnh địa đã có ban cho chúng sinh mạng mình, lấy việc này làm nhân. Ngày đắc quả, thì sẽ không được rút ngắn. Tuy nhiên, Kinh nói: “Chúng sinh sinh tử như con tằm dệt thành kén, chẳng phải điều mà bậc Thánh dạy. Mãi đến nay mới nói là thí cho thân mạng là nhân, việc này thật khó hiểu”. Lại nói: “Chúng sinh có thể hãm hại, mà người hành đạo thì không có tâm làm hại, tức gọi bố thí mạng. Đây lại là việc khó hiểu. Bậc Thánh ra đời, chính vì muốn cho người dứt trừ phiền não, dứt sinh tử. Nếu theo ý nghĩa này thì lẽ ra là cướp đoạt mạng sống mà lại nói là thí cho mạng. Sống là sao? Mạng được gọi là sinh, sinh nơi chân thọ, Chân thọ tức là thân pháp tánh. Vì thế, nên bậc Thánh thường bảo chúng sinh tu đạo để nói về tuổi thọ chân thường. Vì ý Thánh ở đây, nên nói là bố thí mạng”.

“Lại, Nay người thiện nam! Ví như ao A-nậu-đạt” cho đến “Cũng vậy, Như lai sinh ra tất cả tuổi thọ”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Lấy tuổi thọ của trăm họ làm tuổi thọ, cảm thì sẽ sinh ra, sinh ra thì sẽ vô cùng, như vũng chứa nước”.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đây là nói về tuổi thọ của trời, người đều do Đức Phật biến hóa mà có, cho nên nói: “Từ mạng của “Như lai xuất ra tất cả mạng””.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ví dụ trước nói về nhập, ở ví dụ này nói về xuất. Kinh Đại Phẩm chép: “Tất cả trời, người, Đại tánh sát-lợi, cho đến cư sĩ, tất cả đều do Bồ-tát biến hóa, nói về thời gian ở nhân địa. Thí cho tất cả mạng, đã do công dụng biến hóa, nên thí trở về với chủ biến hóa. Cho nên đến Đức Phật là thường”.

“Nay người thiện nam! Ví như trong tất cả các pháp thường” cho đến “Như lai là bậc nhất trong các pháp”, thường nói về hình dáng phù hợp với mạng sống lâu khi còn ở nhân địa, ở quả cùng cực, không nói về sau cùng bất tận, nên dùng ví dụ này, lại nói về vô tận như hư không.

“Như trong các vị thuốc, vị đề hồ là bậc nhất” cho đến “Trong các chúng sinh, tuổi thọ của Như lai là bậc nhất”.

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Khen ngợi chỉ thú thường hiểu biết do cảnh sinh ra, vì có công năng dứt trừ “Hoặc” nên định so sánh với đề

hồ.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:” cho đến “Thường nói pháp mầu, như tuôn mưa lớn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì y theo căn cơ nên thỉnh Đức Phật ở đời, trên là nói quả mầu là thường, chưa nói về dấu vết thì phải diệt. Nay, nhân Bồ-tát Ca-diếp phụng thỉnh, nói thân tượng sáu chẳng phải thật, là lấy dưới để so sánh với trên, là bốn tích để biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói lý đã xong, dẫn bốn việc để làm chứng:

1. Mượn gần để so sánh với xa.
2. Nói về có tên thường, căn bản ở Đức Phật.
3. Dẫn pháp tánh làm chứng.
4. Nói về Nhất thể Tam bảo, chỉ nhất cực làm chứng. Đây là bậc nhất.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đáp câu hỏi nhằm làm sáng tỏ thường, đã nói ở trước. Dưới đây, thứ hai lại nêu ba duyên làm chứng, đây là thứ nhất, dẫn khuất phục để hỏi: “Đã nói là thường thì lẽ ra thường trụ, đã không trụ thì vô thường.”

Phật dạy: “Này người thiện nam! Nay ông không nên có quan niệm diệt tận đối với Như lai” cho đến “Vây, nên Như lai thị hiện bỏ thân mà nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Năm thông của ngoại đạo còn làm cho rút ngắn, kéo dài tự tại, huống chi Đức Như lai có năng lực tự tại để thị hiện đồng với cây độc.”

“Này người thiện nam! Ông nên biết rằng, Phật là pháp thường” cho đến “Đã tu tập và giảng nói cho người khác nghe.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Trong chương này có hai phần: Một là hỏi; hai là đáp. Trong đáp có hai bậc: Trước là đáp, đây là kết khuyến.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:” cho đến “Bụi nhỏ thế, tánh cũng không hiện.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sẽ nói về nhân quả hiện hành bên trong, trước hỏi về quả thường: “Nếu quả không thường hiện thì làm sao khác với pháp thế gian. Tánh, nghĩa là dị đạo chấp rằng, dùng “Minh sơ” làm tánh thế gian.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Trước nói về lý thường của Như lai rõ ràng, chỉ y cứ vào hiện nhập Niết-bàn ngày nay, dường như là luống dối, tức là đồng với thuyết thế gian đã nói. Nếu không có do phân biệt

khác thì hoặc giả vì chúng, nên phát câu hỏi này, khiến có sự phê phán rõ ràng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Y cứ trong phần đáp về quả, có bốn chương:

1. Gỏi gắm ngôn, hạnh trái nhau, đủ thấy rõ bốn tích là thường. Dù biết là thường nhưng ngoại đạo cũng nói có thường.

2. Giải thích danh từ ngã là thường, vốn ở Đức Phật, đã bị ngoại đạo trộm lấy. Nay giải thích về chân, ngụy: Chân, tức là Niết-bàn của Phật pháp, thể Niết-bàn kia là thường. Thường tức là pháp tánh, chỉ cho Niết-bàn xưa, cũng nói là Pháp tánh. Hai giáo đã đồng, thì về sự, phải giải thích tỉ mỉ. Thế nên thứ ba là phân biệt hai danh từ nay xưa đồng nói về pháp tánh. Điều được nói khác với nhau nói về pháp tánh, chỉ vì “Diệt” riêng.

Nay, nói pháp tánh là thường mà diệu hữu, quả cùng cực, thể tròn đầy, đủ đức của ba quy y. Vì thế, thứ tư là khuyến khích người tu hành, bảo nên quy y. Có khác gì với có, thật biết bốn tích thích hợp, chỉ vì ngay nơi sự là diệt. Như ngay cả ngoại đạo cũng có lời nói suông, đều không có sự nghiệm. Môn đồ mắc kẹt ở lời nói, không do đâu mà tin. Cúi mong Phật giải thích để cho chân ra chân, ngụy ra ngụy.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là ý thứ hai, chỉ nêu trách nhiệm nặng. Nếu đều không hiện, thì lẽ ra đều là vô thường.”

“Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Vị như Trưởng giả”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quả không thường hiện, bốn tích không thể giải thích, là nhân dụ để giải thích. trong ví dụ này có bốn phần nghĩa:

1. Ví dụ Đức Phật ở đời, đọc tụng được ý chỉ, tu hành thành Phật.

2. Ví dụ Phật mới nhập diệt, được Phật để lại giáo pháp, không hiểu nghĩa sâu, cũng vẫn được làm người trời.

3. Ví dụ trí tuệ của mình, lại không có từ bi, mong cầu tự độ, không giải thoát rốt ráo, không thành quả Phật.

4. Tâm cầu thường, thì sinh ra tà kiến. Người có kiến chấp nhiều, thì sẽ đánh mất người trời, ít thì không mất. Trưởng giả dụ cho Phật. Cách giải thích của Pháp sư Bảo Lượng đồng với cách giải thích này, chỉ hợp với phần thứ tư. phần thứ ba, Pháp sư Tăng Tông chia ví dụ thứ tư thành thứ năm.”

“Có nhiều con bò”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là Kinh Tạng. Bò cho ra năm vị, Kinh sinh ra năm quả.”

Sắc, dù mỗi thứ án, nhưng Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tám muôn bốn ngàn pháp tạng”, Pháp sư Tăng Tông nói: “Mười hai bộ Kinh đồng chung một nhóm”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trở về một giải thoát”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dù trong mười hai bộ lý vị, có khác, nhưng đồng một Đức Phật nói.”

“Giao cho người chăn”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát mở mang”.

“Đi ăn cỏ uống nước.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cái gọi là Chư Phật vì một việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Người, trời là sữa, bơ. Người Nhị thừa là bơ sống, Bồ-tát là bơ chín, chỉ Phật là đề hồ.”

“Người chăn bò kia, vắt lấy sữa rồi tự uống.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đọc tụng, hiểu được chỉ thú Kinh.”

“Trưởng giả chết”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Phật nhập Niết-bàn”.

Dưới đây là ví dụ thứ hai:

“Tất cả các con bò đều bị bọn cướp đoạt hết.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người phạm không theo chỉ thú Kinh để tìm hiểu, dụ cho cướp đoạt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dù đạt thọ trì, tâm giữ lấy tướng mạnh, đa số là các nguy tạp nhập, không được chân lý.”

“Bọn cướp bắt được bò rồi, không có phụ nữ”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Người chế biến ra đề hồ, vốn là tài khéo léo của phụ nữ. Nếu thọ từ phụ nữ kia thì sẽ có lý thành. Nay, nói rằng không có phụ nữ là dụ cho không có mở mang, gần gũi bạn Thánh, Hiền, nên không có thành.”

“Liên tự vắt sữa được rồi liền uống”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phạm phu chấp ngang trái, gồm có ba cách, đây là một trong ba cách đó. Dù không có thấy, nhưng nhờ khéo đọc tụng, hoặc được người, trời cúng dường, rồi chấp cho là phước, là một trong những chấp trước ngang trái.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cách xa Thánh, nói là gần, do được người trời giúp đỡ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Dù không xuất ly, nhưng cũng được chút ít việc lành, dụ cho vắt sữa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dù không có phương tiện tuệ, nhưng đều dùng tướng, tâm để thọ trì.”

“Bấy giờ, bọn cướp bàn bạc với nhau rằng:” cho đến “Gọi là vị ngon bậc nhất ở thế gian.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là ví dụ thứ ba, biết đại ý Kinh, do người, trời tiến dần, đến kỳ hạn sau cùng sẽ thành Phật. Do phương pháp nào mà được?”

Tự biết không hiểu, không có phương tiện.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dù được gọi là thường, nhưng thật không hiểu chỉ thu của thường.”

“Chúng ta không có đồ đựng”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát dùng đại bi làm đồ đựng. Quên mình cứu giúp chúng sinh, tự xét pháp không.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Không biết cách cầu Niết-bàn.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Từ, giới là đồ đựng muôn hạnh, tự biết là “Không”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Rằng, thân này chẳng phải đồ đựng đạo.”

“Dù vắt được sữa cũng không có chỗ chứa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa là cho dù được làm trời, người cũng chẳng phải nhân cầu Phật.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã nói là dù cho, thì không có lý, chẳng những người Nhị thừa vô lậu không thể mà ngay như giải thích về lập ra điều lành của hạnh địa, cũng chẳng phải đối tượng giải thích.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Chẳng những không có chỗ yên định quả cùng cực của Niết-bàn mà dù có được chút điều lành như sữa, cũng không có đồ đựng chánh tín để làm gốc cho điều lành đó.”

“Chúng lại bàn với nhau rằng, chỉ có túi da có thể dùng đựng sữa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn bắt chước Thanh văn thọ thân, như túi da đựng nước, không thể đựng đề hồ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Dù biết phương tiện Niết-bàn, nhưng có giỏi đọc tụng, cũng không thể hiểu biết chính đáng, nên chỉ được làm trời người.”

“Dù có đồ đựng, nhưng vì không biết cách làm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cách làm dụ cho tư tuệ, khuấy động dụ cho tu tuệ. Dù tự cầu độ, nhưng không sinh hai tuệ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chính là thuyết không có phương tiện”.

Các trường hợp trên đây chưa nói về như thế, chỉ bảo thủ, chấp mắc trời, người không biết rằng suy xét, mong cầu, còn có người hơn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dù muốn thực hành Tiểu thừa, nhưng không biết thực hành, giả danh quán hạnh “Pháp không”.”

“Nước còn khó được, huống chi là bơ sống.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tinh túy, ròng rạch thành bơ. Nước có nhựa khác là nước uống. Người Nhị thừa thành đạo, thân tức là thừa. Nếu không hiểu nghĩa thường, trái với thường này là xa, là hai điều chấp ngang trái.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quả hương dụ cho nước uống. Đắc quả, dụ cho bơ. Đã không có hai tuệ mà chứng đắc, thì với hương đều không thành.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đã không giải mà biết cách nói là su khéo léo của thế tục, còn không để gì được, huống chi là quả Nhị thừa?”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Bảy phương tiện trong Thanh văn hưởng, dụ cho nước uống.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sơ địa đến Thất địa, như bơ (sinh tô). Bát địa đến Thập địa, như phó mát bơ chín. Nước uống chẳng phải giới hạn của năm vị. Nay nói đã không biết chứa nhóm lại, để tìm cầu cái khéo của sinh ra vượt hơn, cho đến trụ điều lành hữu lậu của người phạm trước kia, còn không thể được, huống chi trụ vị chân trên, mà có thể được bơ hay sao?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tín đứng đầu năm căn cũng không lập.”

“Vì muốn được đề hồ, bấy giờ bọn cướp vì đề hồ nên đổ thêm nước vào.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là ví dụ thứ tư. Cầu Thường không được, bèn sinh ra tà kiến.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Dù biết Kinh này nói có thể được quả thường, nhưng không thể biết được Thường ở đâu. Lại nói “Các pháp thường trụ, nghĩa là đổ thêm nước vào.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là dụ thứ tư. Đề hồ (phó mát) là vật, chất nó rất trong. Vì muốn chóng được, nên đổ thêm nước vào để nó được trong. Đây là tương tự sắc trong, vị nó thì khác. Dù biết Niết-bàn là pháp thường, lạc, nhưng vì muốn chứng đắc nhanh chóng, nên chấp thân này chính là thường, lạc, tên thì đồng mà thật ra thì khác. Ví như đổ thêm nước vào, thì sẽ làm hao hụt sữa có lẫn máu. Nếu chấp thân là “Ta” thì sẽ gây tổn hại điều lành của trời, người.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là dụ thứ ba, đều sinh ra các tà kiến.”

“Vì nước nhiều, nên tất cả sữa, bơ, pho mát (đề hồ) đều bị hỏng.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Lại nói là Kinh được thắng giải thường trụ mà không biết lại nói các pháp tà thường. Tà thường đã tăng thêm thì sẽ làm hư hoại vị vốn thường, cả năm thời đều mất, là ba chấp ngang trái.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người tà kiến nhiều, làm dứt gốc lành, người trời đều mất. Người ít tà kiến, do tin nhân quả.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Thêm vào nước thường đảo, sẽ phá hoại chân thường, nên cả năm vị đều mất.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là dụ thứ năm, bị dứt mất gốc lành, cho đến nhân quả trời, người đều mất!”

“Phàm phu cũng vậy, dù có pháp lành, nhưng đều là chỗ dư thừa của chánh pháp Như lai.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đây là hợp thí dụ. Kinh Phật dạy người được giới, định, tuệ. Ba pháp này vốn là đạo quan trọng để thành Phật. Bọn cướp kia vì chấp lấy niềm vui ở đời, nên mất gốc còn thừa, vì vui của đời cho nên bỏ.”

“Vì sao khi Như lai, Thế tôn nhập Niết-bàn” cho đến “Như bọn cướp kia đoạt đàn bà”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vốn không nên lấy, vì đó là niềm vui của người đời mà lấy, gọi là trộm.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp ví dụ thứ hai”. “Các phàm phu dù được giới, định, tuệ, nhưng vì không có phương tiện, nên không thể giải thoát.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì không hiểu giới, định, tuệ là nghĩa của nhân thường trụ, giải thoát, nên không hiểu giải thoát, hợp hai thứ chấp ngang trái.

“Vì nghĩa này, nên họ không thể được” cho đến “Không biết phương tiện nên quên mất đề hồ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là hợp riêng ví dụ thứ ba ở trên, ở trên nói: “Thêm vào nhiều nước là chưa bị hợp. Vì sao? Vì tà kiến có nhẹ, nặng. Nặng, là nói không có nhân quả, trời, người đều mất. Nhẹ là chấp lầm Niết-bàn, hoặc được làm trời, người.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là nêu ví dụ thứ tư, mà trước, hợp ví dụ thứ năm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là hợp ví dụ thứ ba, thiếu không



hợp dụ đầu.”

“Các phàm phu ấy có chút phạm hạnh” cho đến “Như bọn cướp kia được sửa pha với nước.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Dù lại thêm thưởng, người chưa dứt gốc lành, cũng do chút việc lành, được sinh lên các tầng trời cõi Dục, hợp với ba thứ ngang.”

“Mà hạng phàm phu ấy thật sự không biết” nhân cho đến “Lại tuy nói mà thật không biết.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì họ còn không biết việc lành thế gian, nên sinh lên cõi trời, chẳng lẽ biết Tam bảo hay sao?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trong sửa pha thêm nước này, là pha thêm ít nước. Không biết do tu phạm hạnh, nghĩa là nhân gần của trời, người còn không biết được, huống chi nhân thưởng ra đời mà biết hay sao?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tu chút phạm hạnh, được hưởng chút vui, phải tự phân rõ mà ăn, như bọn cướp kia pha thêm nước vào sữa, lại nêu ví dụ thứ tư.

“Mà phàm phu ấy thật sự không thể biết nhân chút phạm hạnh: Tức là pha thêm nước (Nhân gọi là lý do). Đã chấp thân là thưởng, thì đâu thấu suốt lý do của chân thưởng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là giải thích giáo”. Xưa, chủ trương ngoại đạo sinh lên cõi trời, nghĩa là nói dùng tà kiến làm nhân. Ở đây giải thích: “Chẳng phải dùng tà kiến làm nhân, chính là xưa nói rằng, cúng dường cha mẹ, là điều lành hiếu kính làm nhân. Ngoại đạo không biết được lý này, đâu biết được con đường ra khỏi sinh tử, vì điên đảo chấp ngang trái nên trở thành Đại tà.”

“Vì thế, nên sau khi Như lai ra đời” cho đến “Bọn cướp tan rã, đàn bò vẫn còn nguyên.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Sau Phật ra đời, nói chân thưởng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dụ cho sau Đức Phật giáng sinh, phàm phu mong cầu ngang trái, về lý vốn thưởng còn, Chư Phật ba đời đồng chung một đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Năm ví dụ trên nói về ngoại đạo trộm được danh thưởng mà không phải thật là thưởng. Nay nói tên thưởng, trước sau trở về với Phật.

Hợp thí trước kia đã xong, nghĩa này là sinh.”

“Bấy giờ, vua Chuyển Luân liền giao đàn bò” cho đến “Tất cả người dân không bị bệnh khổ.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói Đức Thích-ca ra đời, lại giao phó pháp thường, cho Bồ-tát.”

“Vua chuyển luân ra đời” cho đến “Bây giờ, Như lai khéo giảng nói pháp thế gian và ra đời gian”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Khéo nói điều lành thế gian, cho nên được nghĩa thường trụ, huống chi là pháp ra đời ư? Đã bỏ phàm phu, được mang về quả Phật.”

“Vì chúng sinh, Như lai đã bảo các Bồ-tát hãy theo đó để giảng nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Để giao cho Bồ-tát, giúp cho được thắng giải thường, đạo gồm thiên hạ.”

“Các Đại Bồ-tát đã được đề hồ” cho đến “Cái gọi là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Gồm có hai ý: Trước, hợp với bọn cướp trốn mất. Sau, hợp với Như lai giao phó cho Bồ-tát nhiệm vụ.”

“Này người thiện nam! Vì những nghĩa ấy, nên” cho đến “Gọi là pháp thường trụ thì chủ yếu là Như lai, chứ chẳng phải pháp nào khác.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nói theo trên đây, pháp thường hư, thật đều có rõ ràng.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Kết thúc trả lời câu hỏi.”

“Này người thiện nam! Phải biết như thế biết thân Như lai” cho đến đi theo chỗ ta đã đi đến chỗ ta đã đến.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Khuyên thọ trì”.

“Này người thiện nam! Nếu có người nào tu tập hai chữ như thị” cho đến “Tức là pháp tánh của Chư Phật.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Pháp: Không còn có nghĩa phi pháp. Tánh, nghĩa là nghĩa chân cùng cực không có thay đổi, tức chân mà không có biến đổi, chẳng lẽ có diệt hay sao? Nay, nói diệt là pháp tánh, vì không có đối tượng diệt mà thôi.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát thông đạt pháp tánh, thành Phật Niết-bàn. Pháp tánh vô diệt, Niết-bàn thường trụ. Đây là nói nghĩa trên quả của hạnh bên trong, phàm phu chẳng hiểu “Không”, nên chẳng chứng được Niết-bàn, dùng “Không” để chứng Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây, thứ ba, chứng địa của quả Phật, vì dùng pháp tánh làm tuổi thọ, cho nên dài xa.”

Có người giải thích: “Tướng diệt này là “Diệt” của “Đoạn diệt”. Nói thế không đúng! Vì sao? Vì văn dưới đây có câu kết: “Tức là pháp

tánh của Chư Phật”, chẳng lẽ là lời đoạn diệt ư?”

Nay, giải thích: “Nếu người nào có khả năng yên định hai chữ này là “Diệt” của “Tịnh diệt”, thì Đức Phật đối với người đó là thật sự nhập Niết-bàn chữ Y, nên nói: Vì sao? Vì tức là pháp tánh.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Nay con hiểu thế nào về nghĩa ấy?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trước kia cho rằng: Diệt là pháp tánh, dường như thân tượng sáu vẫn còn. Nếu Thân tượng sáu là thật thì nên xuất ra từ trong “Phi pháp”, mà pháp tánh không có “Phi pháp”, thì đâu có thân tượng sáu ư? Thân và pháp tánh không thể đồng nhau, mà có thân chưa hiểu rõ ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chấp phương tiện làm lời hỏi, chân cực không có thay đổi, gọi là pháp tánh, phải bỏ thân, trí, sau đó là đúng. Nay, thân đã không diệt, lại nói là tánh, là lý của ánh nắng, giọt sương, cả hai không phải cùng tồn tại, làm sao biết được nghĩa này?”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Trước nói Niết-bàn là pháp tánh của Phật, tương tự như Niết-bàn là pháp tánh. Nay, muốn nói pháp tánh là thể của pháp thân thường trụ, Pháp tánh tức là pháp thân, nếu dùng diệt tận làm pháp tánh, thì vì không có cái có, chẳng lẽ có pháp thân ư? Nếu có pháp thân, chẳng phải diệt hết thì đâu có pháp tánh? Vì hai việc, không được đồng đều.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là văn thứ hai. Pháp tánh mà giáo nay nói, nghĩa là quả viên chẳng có “Phi”, nên nói thể của pháp không thay đổi, nên gọi là tánh, danh và xưa đồng sự phải phân biệt.”

“Phật bảo Ca-diếp: Nay người thiện nam! Nay ông không nên” cho đến “Pháp tánh không có diệt.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Pháp tánh chiếu soi tròn đầy, lý thật sự thường còn, cho đến ứng cảm, đâu tạm bỏ dỡ?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tìm gốc để chứng cho ngọn, đó là hữu vi, sinh diệt theo chiều ngang! Pháp tánh xưa nay chẳng thật có, nên không có diệt. Như lai cũng xưa nay chẳng thật có, chẳng lẽ có diệt hay sao?”

“Nay người thiện nam! Ví như trời Vô tướng” cho đến “Các Thanh văn, Duyên giác chẳng phải biết được”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm phu thọ báo sắc, tâm, thì cần phải trực tiếp dùng tưởng sâu kín. Người Nhị thừa không biết, gọi là trời Vô tướng, là sự gần không phải cảnh giới của ông, huống chi là vô lậu ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Theo Kinh này nói, cho đến “Bốn không” ở đây đều có sắc. Nay, trời Vô tướng, là cõi trên hết của bốn phạm phu, trong bốn thiên. Dưới tầng trời Na-hàm có một địa này, dù có sắc thân, nhưng vì tâm của địa đó sâu kín nên tướng Vô sắc, chỉ có Đức Phật mới biết, ngoài ra, không ai hiểu rõ.

“Này người thiện nam! Ông không nên nói rằng, thân Như lai” cho đến các “Thanh văn, Duyên giác không thể biết được”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Chẳng lẽ đối với pháp mẫu nhiệm cùng cực của Như lai, mà có thể biết ư? Xưa, Đức Phật chỉ thị hiện diệt riêng để làm pháp tánh, đó là quyền không phải thật.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Nay ông không nghĩ lường” cho đến “Các thứ phương tiện không thể nghĩ bàn.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là Phật khuyên răn.”

“Này người thiện nam! Ông phải nên tu tập” cho đến “Tu tướng thường, thì có chỗ quy y”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phật thật sự không diệt. Sau Phật nhập Niết-bàn, không nghe Kinh này, rồi nghĩ là thật diệt, dựa vào Tam bảo thể khác mà xuất gia, thọ giới, không thành thanh tịnh, đầy đủ ba quy y. Nếu người nào nghe Kinh mà không tin, thì dù cho người ấy xuất gia, cũng không thể thành tựu quả.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đoạn văn thứ tư, trước nói pháp tánh, nếu chẳng phải diệt đơn lẻ thì “Diệu hữu” có thể trở về. Nếu yên tâm đối với “Chẳng phải không có”, thì sẽ nhận thức được quả chân. Thế nên nêu ba quy y để tiêu biểu có phương tiện.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì chỉ cho địa vị cùng cực, cho nên là Thường. Nói ba pháp này là một thể mà không có ba, nên nói không có tướng khác. Thể là sừng sững, nên nói là tướng vô thường. Vì không bị ba tướng làm dời đổi, nên không biến thành tướng khác.

Nhất thể Tam bảo: Chính là nói về ba nghĩa của Thể một Đức Phật. Chỉ vì tâm gọi đầu tiên, thích hợp với pháp thể. Muôn tướng đều là danh của nghĩa, không có danh của thể riêng, danh của nghĩa giác thì khác, vì thế, Phật Bảo là “Đương thể”. Ngoài ra Pháp, Tăng thuộc về Danh của nghĩa.

Xưa nói ba thể Tam bảo đều khác nhau. Nay, vì đặt pháp và Tăng của ngày xưa trên Phật, nên nói là Tam bảo của Nhất Thể Phật, dùng nghĩa giác sát làm Phật Bảo, với thể không có “Phi pháp”. Vì đầy đủ các thứ công đức, nên gọi là Pháp bảo, với thể không ngăn cách chúng sinh thì hòa hợp với lý, gọi là Tăng bảo. Nếu người vì tu khác với ba

pháp này thì phải biết người ấy không thành quy y thanh tịnh.

Đã nói Phật bảo chưa cùng cực, thì làm sao được giới cụ túc ư? Không nói số đầu đều ít, chính là nói rằng, giới không phải phẩm thượng. Nếu nương tựa ba quy y thường trụ thì sẽ được giới cụ túc. Hạnh sinh ra từ địa vị Tín. Nay tín chưa tròn, thì giới đã được đâu thể chấp nhận là đầy đủ ư? Xưa Đức Phật tự nói: “Ta là Nhị thừa”, nay dựa vào Tam bảo khác nhau, còn không thể được, như ta tạo nên quả gần của Thanh văn, Duyên giác, huống chi không nương tựa vào ba quy y thường trụ, mà lại được vào địa vị Chân thánh vô lậu hay sao?” Cho nên chấp giáo hiểu Kinh, việc ấy là sai lầm!”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là Đại ý thứ ba trong phần đáp câu hỏi. Thứ ba là đại ý vì xưa, nói về Tam bảo, vì nói chỉ thú chưa chu toàn, nên tâm quy y chưa chính đáng. Nay, nói về pháp tánh thể đầy đủ Tam bảo còn mãi bất diệt. Đây là tâm quy y cần thay đổi. Vì vậy, một chương này đủ nói về quy y chính đáng, gồm có ba lượt:

1. Đức Phật tự nói về lý, khuyên chúng sinh hãy quy y.
2. Bồ-tát Ca-diếp đặt ra câu hỏi, Phật đáp.
3. Bồ-tát Ca-diếp trình bày ý chỉ Phật khen ngợi thành tựu.

Tam bảo không có tự thể riêng lẻ, nên nói “Không có khác”. Vì không dời đổi, nên chẳng phải vô thường. Vì không có sửa đổi ngu thành trí nữa, nên không thay đổi.

“Này, Ca-diếp! Ví như do nơi cây nên có bóng cây” cho đến “Ví như trong chỗ tối có cây mà không có bóng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cây dụ cho Phật, bóng dụ cho quy y. Không có cây thì không có bóng, không có Phật thì không có chỗ nương tựa. Có cây không có bóng, nghĩa là trong chỗ tối có cây không có bóng. Đức Phật dù vẫn còn mà không hiện, thì sẽ không thành quy y.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nói vì có lý thường, nên được nghĩa quy y, như có cây thì có bóng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Kế nhau giải thích: “Hễ có tâm “Năng quy”, thì sẽ có lý “Sở quy”. Đây là giải thích câu hỏi của Bồ-tát Ca-diếp, tức là được dịp. Căn cứ vào văn, lại có lúc không được dịp: Theo cách giải thích xưa thì cây ở đây dụ cho pháp thân chân thật, bóng dụ cho ứng thân. Đối với văn trước thì có dịp, đối với câu hỏi thì không có dịp.

Hai cách giải thích này đều không phải một bên, chưa được thích ý trọn vẹn, đều không tăng lên được ý văn. Nay nói: Có quy y, chính là



---

nói “Diệu hữu” của quả cùng cực là thường thì có đức của quy y. Nếu không có đức này thì nghĩa “Có” cũng mất, cho nên Bồ-tát Ca-diếp y theo bóng để thưa hỏi, là vì muốn cho không có đức của quy y.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Tâm của năng quy y vì sau cùng có khả năng thành Phật, nên lấy cây dụ cho tâm quy y, bóng dụ cho Phật đã thành, nên nói: “Nhân cây nên có bóng”.

“Này người thiện nam! Ông không nên nói có cây mà không có bóng” cho đến “ Mỗi mỗi đều khác, nên trở thành vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trăng, sao có ánh sáng. Cây có bóng tối, chỉ vì nhỏ nhiệm, nên nhục nhãn không thấy được. Pháp thân cũng vậy, ông chẳng thấy được.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Chớ nên không thấy mà nói là “Không có”. Pháp thân thường trụ, vì tuệ nhãn thấy, nên nghĩa quy là có nhưng nhục nhãn không thấy, rồi cho là không có nghĩa quy y thường trụ!

Ở đầu phẩm này khuyên hỏi rằng: “Nếu quy, tức là ba quy thường trụ này”, lại nói: “Nếu giới, tức là đấng Đại từ, đại bi trước xem chúng sinh như con một.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thiên nhãn nhờ ánh sáng của “Không” nhỏ nhiệm, mà ngắm nhìn sắc, nên không đồng với công dụng của nhục nhãn.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:” cho đến mà được sống lâu, là khéo biết những đời đã qua.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Lược thứ ba, thuật lại chỉ thú, mở rộng biến hóa, có hai điểm khác nhau: Trước, Bồ-tát Ca-diếp lãnh hội thắng giải. Sau, Đức Phật khen ngợi thành tựu.”

